

Số: 38 /TB-SKHCHN

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO
TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP CHUẨN

Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn số 03/25 ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng, địa chỉ Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, cho sản phẩm, hàng hoá:

Tên gọi: Săm ô tô cao su butyl.

Kiểu loại, đặc trưng kỹ thuật: Xem tại Phụ lục kèm theo Thông báo này.

Nhãn hiệu: DRC

Phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7530:2005 và Tiêu chuẩn JIS D 4231:1995 Săm ô tô (sản phẩm được chứng nhận sự phù hợp theo Phương thức 5 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCHN ngày 31/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012).

Thông báo này có giá trị đến ngày 13/12/2027.

Thông báo này chỉ ghi nhận sự cam kết của Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hoá do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng;
- Giám đốc Sở (b/cáo);
- Lưu: VT, PTCNĐMST (Trần).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Hoàng Văn Bản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN
Số: 03/25

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG
Địa chỉ: Lô G, Đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3771405
Fax: 0236.3771400
E-mail: kcs@drc.com.vn

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường:

- Tên gọi	: Săm ô tô cao su Butyl
- Nhãn hiệu	: DRC
- Kiểu, loại, đặc tính kỹ thuật	: Phụ lục kèm theo

Phù hợp với tiêu chuẩn:

- Số hiệu, ký hiệu	: JIS D 4231:1995 / TCVN 7530:2005
- Tên gọi	: Săm Ô tô

Thông tin bổ sung:

1. Công bố dựa trên kết quả đánh giá chứng nhận sự phù hợp của Trung tâm Chứng nhận sự phù hợp QUACERT (Giấy chứng nhận số **SP 331/7.24.14** có giá trị từ ngày 14/12/2024 đến ngày 13/12/2027).

2. Phương thức đánh giá sự phù hợp: Phương thức 5.

Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm Săm ô tô cao su butyl mang nhãn hiệu DRC do mình sản xuất kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 2 năm 2025 *fmh*

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Khánh Nhựt



CÔNG TY CP CAO SU ĐÀ NẴNG

RD.42.09/BH.01

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT SẼM

STT	Quy cách	Chiều rộng gấp đôi (± 5 mm)	Chiều dày gấp đôi (± 0.3 mm)	Khối lượng sản phẩm ($\pm 2\%$ kg)	Loại van
I. Sẻm tải nhẹ					
1	4.00-8	122	3.9	0.60	TR87
2	4.00-8	122	3.9	0.60	CR202-28
3	5.00-8/6.00-9	149	4.3	0.80	JS2
4	5.00-10	143	4.1	0.77	TR13
5	6.50-10	183	4.3	1.15	JS2
6	4.00/4.50-12	122	4.3	0.75	TR13
7	5.00/6.00-12	159	3.6	0.90	TR13
8	7.00-12	174	4.3	1.20	TR13
9	5.50R13/5.50-13/6.00-13	175	3.6	1.06	TR13
10	6.00/6.50-14	195	3.6	1.30	TR13
11	6.00/6.50/6.70-14	195	3.6	1.30	TR13
12	6.50/7.00-15	198	3.6	1.40	TR75A
13	6.50/7.00-15	198	3.6	1.40	IR177A
14	6.50/7.00-15	198	3.6	1.40	TR77A
15	6.50/7.00-15	198	3.6	1.35	TR13
16	8.40-15	233	4.7	2.10	TR15
17	6.50R16/6.50-16	186	3.6	1.35	TR75A
18	6.50R16/6.50-16	186	3.6	1.35	IR177A
19	7.00R16/7.00-16	206	3.6	1.50	IR177A
20	7.50R16/7.50-16	229	3.5	1.70	TR77A
21	7.50R16/7.50-16	229	3.5	1.72	IR175A
22	8.25R16/8.25-16	244	4.0	2.20	TR77A
23	8.25R16/8.25-16	244	4.0	2.20	IR175A
24	7.50-18	221	4.3	2.20	TR77A
II. Sẻm tải nặng					
1	7.50/8.25-20	235	4.0	2.40	TR77A
2	10.00-18	299	4.7	3.50	TR75A
3	12.00-18	348	4.6	4.40	TR177A
4	9.00R20/9.00-20	275	4.2	3.10	TR175A
5	10.00R20/10.00-20	299	4.2	3.50	TR78A
6	11.00R20/11.00-20	328	4.4	4.10	TR78A
7	12.00R20/12.00-20	348	4.5	4.60	TR179A
8	14.00-20	374	5.4	6.00	TR179A
9	12.00R24/12.00-24	348	4.8	5.50	TR179A
10	14.00-24	360	5.4	6.40	TR179A
11	14.00-25	412	6.2	9.00	TR179A
12	17.5-25	412	6.2	9.00	TRJ1175
III. Sẻm Nông nghiệp					
1	6.00/6.50-12/AG	159	4.0	1.10	TR13
2	5.50/6.00-14/AG	168	3.8	1.20	TR13
3	6.00/6.50-14/AG	195	4.0	1.47	TR13
4	4.00/5.00-15/AG	143	4.1	1.10	TR15
5	6.50/7.00-15/AG	198	4.1	1.63	TR13

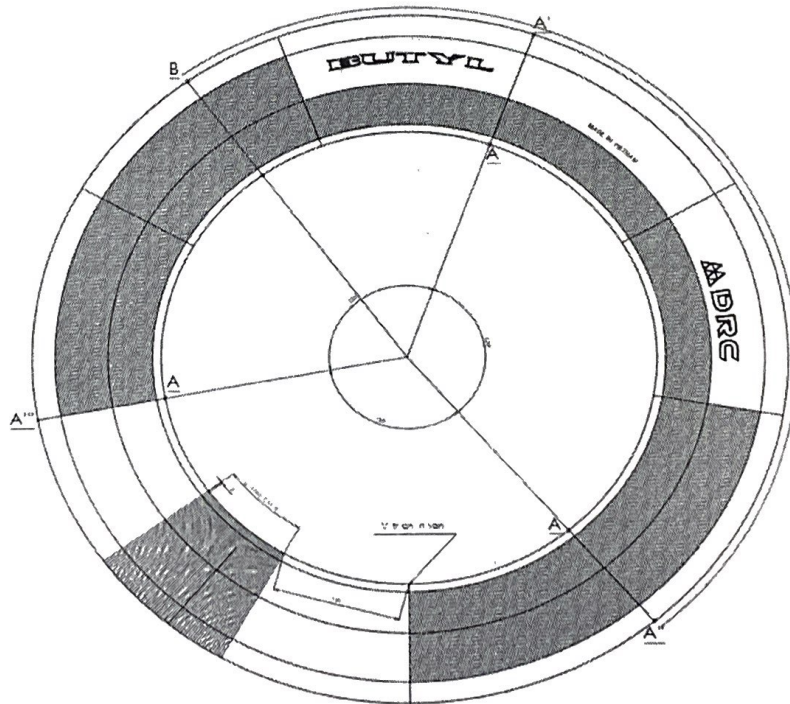


6	6.50/7.00-15/AG	198	4.1	1.67	TR75A
7	6.50/7.00-16/AG	206	4.0	1.75	TR13
8	6.50-16/AG	186	4.1	1.62	TR75A
9	7.00-16/AG	206	4.0	1.77	TR75A
10	8/9.5-18	221	4.3	2.27	TR15
11	8.3/9.5-20/TR218A	221	4.4	2.40	TR218A
12	11.2/13.6-20/TR218	299	4.4	3.55	TR218A
13	8.3/9.5-22/AG	221	4.0	2.59	TR218A
14	8.3/9.5-24/AG	221	4.1	2.80	TR218A
15	11.2/12.4-24/AG	305	4.5	4.40	TR218A
16	12.4/13.6-26	348	5.1	6.11	TR218A
17	12.4/14.9-28	351	5.4	7.00	TR218A
18	16.9-28/18.4-28	442	5.0	8.30	TR218A
19	16.9-30/18.4-30	458	5.0	9.10	TR218A
20	15.5/16.9/18.4-38	442	6.4	13.90	TR218A

*** Phương pháp đo:**

Săm ô tô đã hút chân không. Đo tại các vị trí theo hình ảnh dưới đây:

- Chiều rộng gấp đôi đo chiều dài ba đoạn thẳng AA', AA'', AA'''.
- Chiều dày gấp đôi săm đo tại các vị trí bất kỳ trong vùng bôi đen, không đo tại vị trí mối nối



Tổng giám đốc

[Signature]

Lê Hoàng Khánh Nhựt

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 09 năm 2024

Phòng NCPT

[Signature]

Trần Công Hùng

Người lập

[Signature]

Nguyễn Anh Vũ